

VIETNAM DAILY

[Điểm nhấn thị trường]

TTCK Việt Nam tăng điểm mạnh dưới tác động tích cực của các nhóm ngành bán lẻ và chứng khoán với thanh khoản tăng

[Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]

Các HĐTL tăng điểm tương đồng với diễn biến của thị trường cơ sở

[Thông tin doanh nghiệp]

DGC, SJS

[Cập nhật công ty]

MBB

[Quan điểm đầu tư]

NDT được khuyến nghị tránh mua đuổi trong các nhịp tăng điểm, thực hiện chiến lược bán chủ động chốt lời từng phần ở vùng giá cao khi VNINDEX hoặc cổ phiếu mục tiêu vượt đỉnh đối với các vị thế trading đã mua thêm trong nhịp điều chỉnh vừa qua hoặc hiện còn đang nắm giữ

20/03/2024

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIndex	1,260.08	+1.42
VN30	1,259.06	+1.97
HĐTL VN30F1M	1,255.50	+2.07
HNXIndex	238.03	+0.79
HNX30	518.63	+0.99
UPCoM	90.54	-0.07
USD/VND	24,778	+0.11
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	2.54	+1
Lãi suất qua đêm (%)	0.15	+1
Dầu (WTI, \$)	82.60	-1.04
Vàng (LME, \$)	2,155.33	-0.10



Điểm nhấn thị trường

VNIndex 1,260.08 (+1.42%)
KLGD (triệu CP) 859.1 (+17.8%)
GTGD (triệu US\$) 927.9 (+6.1%)

TTCK Việt Nam tăng điểm mạnh dưới tác động tích cực của các nhóm ngành bán lẻ và chứng khoán với thanh khoản tăng. Khối ngoại bán ròng 566.29 tỷ đồng, tập trung tại FUEVFNND (+3.39%), VIC (-1.06%), VNM (+0.29%).

HNXIndex 238.03 (+0.79%)
KLGD (triệu CP) 76.2 (-12.1%)
GTGD (triệu US\$) 61.7 (-5.8%)

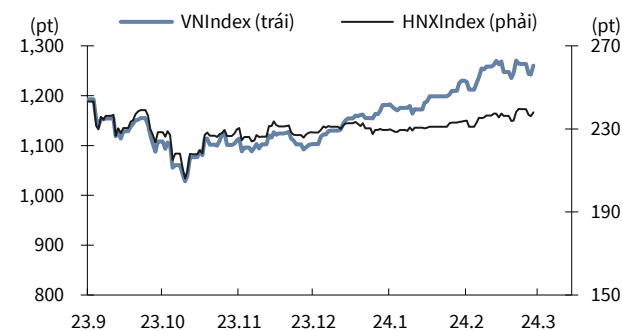
Tại Hội nghị diễn ra mới đây, Thủ tướng yêu cầu "5 tăng", "5 giảm", "5 tăng tốc, bút phá" với ngành ngân hàng. Cổ phiếu nhóm ngành Ngân hàng tăng giá ở MBB (+4.09%), VIB (+6.79%).

UPCoM 90.54 (-0.07%)
KLGD (triệu CP) 36.3 (-5.6%)
GTGD (triệu US\$) 15.9 (+15.8%)

Giá dầu tăng khoảng 2% lên mức cao nhất trong 4 tháng trong phiên giao dịch ngày hôm nay (20/3), do xuất khẩu dầu thô từ Iraq và Ả Rập Saudi giảm; các dấu hiệu nhu cầu và tăng trưởng kinh tế mạnh mẽ hơn ở Trung Quốc và Mỹ. Cổ phiếu nhóm Dầu khí tăng giá ở PVD (+2.54%), PVS (+1.08%).

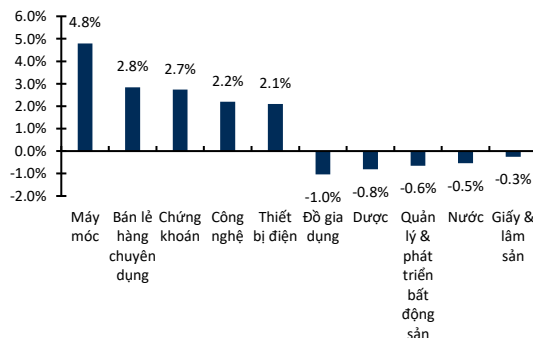
NDTTN mua ròng (triệu US\$) -22.9

VNIndex & HNXIndex



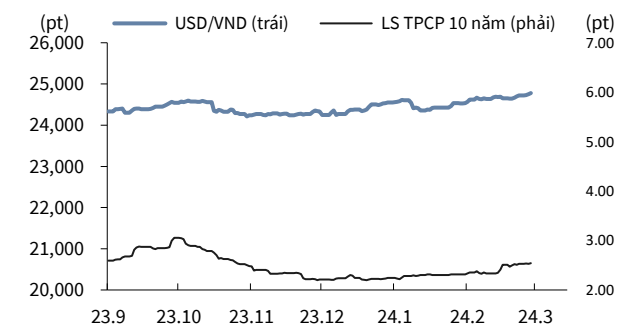
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Biến động nhóm ngành



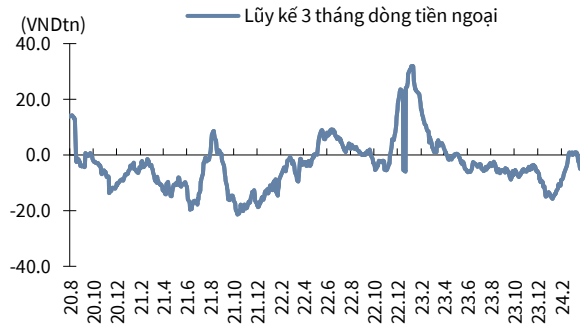
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

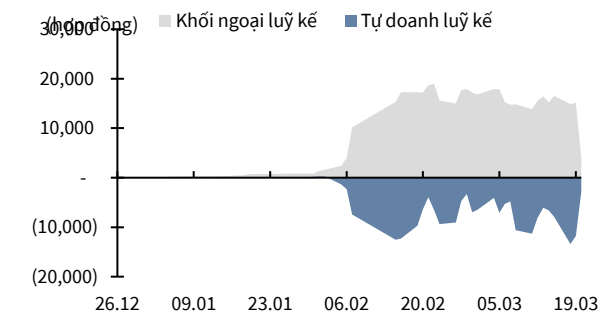
Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

VN30	1,259.06 (+1.97%)
VN30F1M	1,255.5 (+2.07%)
Mở cửa	1,233.0
Cao nhất	1,262.0
Thấp nhất	1,228.0
KLGD (HĐ)	320,291 (+21.4%)

Các HĐTL tăng điểm tương đồng với diễn biến của thị trường cơ sở. Chênh lệch giữa F2403 và VN30 mở cửa ở mức -2.04 điểm, sau đó biến động quanh mức -1.5 điểm toàn phiên, đóng cửa tại -3.56 điểm. Khối lượng giao dịch tăng.

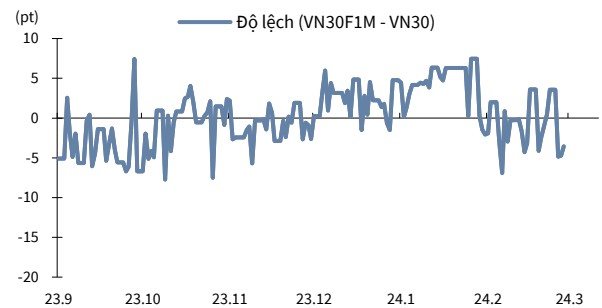
Khối ngoại bán ròng 11,223 HĐTL VN30F2403 nhưng đang duy trì vị thế mua lũy kế 3,926 hợp đồng. Khối tự doanh CTCK mua ròng 8,908 hợp đồng nhưng đang duy trì vị thế bán lũy kế 2,836 hợp đồng.

Mua/bán lũy kế HĐTL VN30F1M của tự doanh & NĐTNN



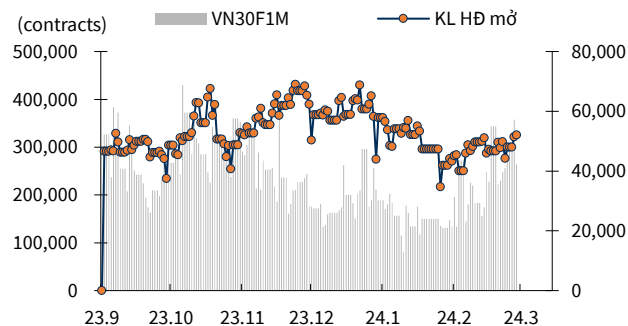
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30



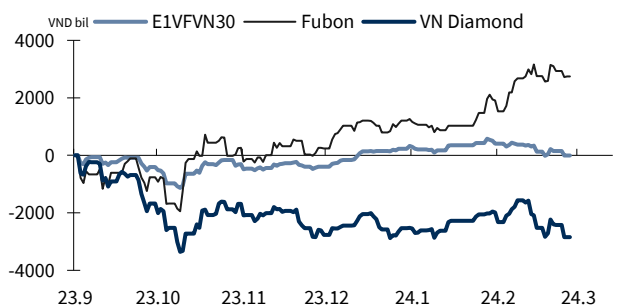
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

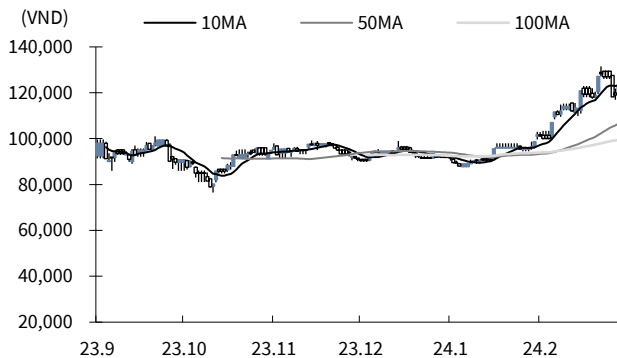
Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Thông tin doanh nghiệp

CTCP Tập đoàn Hóa chất Đức Giang (DGC)

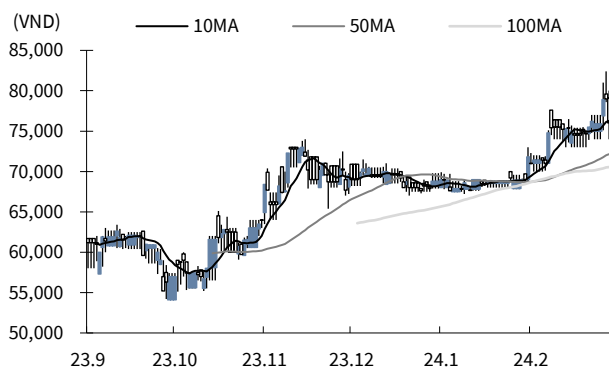


Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- DGC tăng 3.19% lên 122,800 VND/cp

- Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoá chất Đức Giang đang có kế hoạch sáp nhập CTCP Phốt pho Apatit Việt Nam vào tập đoàn trong năm nay, nhằm nâng cao sản lượng phốt pho vàng. Tính đến cuối năm 2023, DGC đang sở hữu 100% vốn điều lệ tại Công ty TNHH MTV Hoá chất Đức Giang Lào Cai, đơn vị lại sở hữu 51% vốn tại CTCP Phốt pho Apatit Việt Nam.

CTCP Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp Sông Đà (SJS)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- SJS giảm 3.80% xuống 76,000 VND/cp

- CTCP Đầu tư phát triển đô thị và khu công nghiệp Sông Đà, ĐHĐCĐ thông qua kế hoạch 2024 với tổng doanh thu 858 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế 350 tỷ đồng, tỷ lệ chia cổ tức 10 - 15%. SJS dự kiến tổng mức đầu tư các dự án 1,421 tỷ đồng, với 3 dự án trọng điểm Nam An Khánh, Thịnh Lang - Hòa Bình và Văn La. ĐHĐCĐ cũng thông qua kế hoạch đổi tên công ty và tái khởi động tăng vốn điều lệ, mục tiêu tăng vốn điều lệ lên 2,400 tỷ đồng.

20/03/2024

Chuyên viên phân tích Phạm Phương Linh
linhpp@kbsec.com.vn

Cập nhật KQKD 4Q2023

MBB duy trì mức tăng trưởng cao trong năm 2023 khi kiểm soát tốt các cấu phần chi phí: CIR giảm 100bps YoY, chi phí dự phòng rủi ro tín dụng giảm 24.4% YoY. Nhờ đó, LNTT của MBB đạt 26,306 tỷ đồng - tăng trưởng 15.7% YoY, hoàn thành 101% kế hoạch năm.

Quá trình tiếp nhận tổ chức TD yếu kém dự kiến hoàn tất trong năm 2024, tiếp tục mang lại cho MBB lợi thế về hạn mức tín dụng

Cập nhật tiến độ nhận chuyển giao Oceanbank, MBB cho biết ngân hàng đã hoàn tất thủ tục trình Chính phủ, kỳ vọng sẽ hoàn tất chuyển giao trong quý 2/2024. Việc tiếp nhận Oceanbank sẽ tiếp tục giúp MBB có lợi thế về hạn mức tín dụng được cấp (28% trong năm 2023 – cao thứ 2 toàn ngành). KBSV kỳ vọng tăng trưởng tín dụng năm 2024 của MBB sẽ nằm trong khoảng 20-25% dựa trên cơ sở nền kinh tế sẽ hồi phục rõ ràng hơn trong 2H2023 và MBB hiện đang sở hữu tệp KHDN lớn, tập trung ở những ngành nghề chủ chốt của nền kinh tế.

Nợ xấu được kiểm soát nhờ chiến lược cho vay thận trọng

Giai đoạn khó khăn nhất của ngành đã tạm thời đi qua, do đó chất lượng tài sản sẽ được cải thiện trong thời gian tới. Với MBB, ngân hàng đặt mục tiêu sẽ kiểm soát NPL (trước CIC) dưới 1.5% trong năm 2024. Tuy nhiên, chúng tôi cho rằng việc giảm trích lập, tăng cường xử lý nợ xấu để đổi lại tăng trưởng lợi nhuận trong năm 2023 sẽ tạo áp lực lên chi phí tín dụng trong năm 2024.

Khuyến nghị MUA, giá mục tiêu 28,100 VNĐ/cp

Chúng tôi nâng giá mục tiêu từ 25,000 VNĐ/CP lên mức 28,100 VNĐ/CP. Khuyến nghị MUA với tiềm năng tăng giá 20% so với giá đóng cửa ngày 19/03/2023.

MUA Duy trì

Giá mục tiêu	VND 28,100
Tăng/giảm	20%
Giá mục tiêu đồng thuận	25,700
Giá hiện tại (19/03/2023)	23,100
Vốn hóa thị trường (tỷ VND/triệu USD)	96,460/3.87

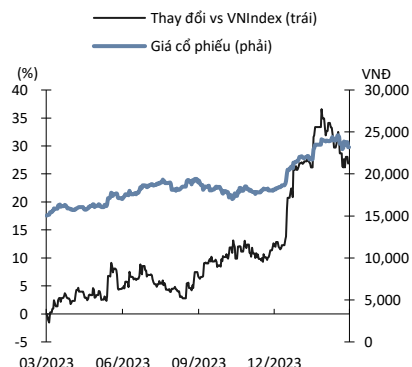
Dữ liệu giao dịch	
Tỷ lệ CP tự do chuyển nhượng (%)	55%
GTGD TB 3 tháng (tỷ VND/triệu USD)	226.46/9.3
Sở hữu nước ngoài (%)	23.23%
Tập đoàn CN-Viện thông quân đội	14.14%

Biến động giá cổ phiếu				
(%)	1M	3M	6M	12M
Tuyệt đối	-3.1	28	22	54
Tương đối	-4.5	13	19	27

Dự phóng KQKD & định giá

(tỷ VNĐ)	2022	2023	2024F	2025F
Thu nhập lãi thuần (tỷ VNĐ)	36,023	38,684	45,094	60,064
LN trước CF DPRRTD (tỷ VNĐ)	30,777	32,393	36,790	48,436
LNST ngân hàng mẹ (tỷ VNĐ)	18,155	21,054	21,243	30,004
EPS (đồng/cổ phiếu)	3,856	3,966	3,980	5,632
Tăng trưởng EPS (%YoY)	15%	3%	0%	42%
PER (x)	11.4	11.1	11.1	7.8
Giá trị sổ sách/CP (BVPS)	17,559	18,548	21,876	26,909
PBR (x)	2.51	2.37	2.01	1.64
ROE (%)	25.6%	23.9%	20.2%	23.6%

Nguồn: KBSV ước tính



Quan điểm kỹ thuật

Xu hướng & Hành động

Thị trường cơ sở – Chỉ số VNIndex



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- Sau nhịp rung lắc nhẹ đầu phiên, VNIndex đảo chiều hồi phục và dần mở rộng đà tăng về cuối phiên.
- Sau một vài phiên điều chỉnh, sự hình thành của mẫu nến “bullish engulfing” trong phiên hôm nay đã đưa thị trường trở lại trạng thái tích cực, mở ra cơ hội duy trì nhịp tăng điểm và chinh phục vùng đỉnh ngắn hạn cũ. Mặc dù vậy, chúng tôi tiếp tục lưu ý về rủi ro đảo chiều xu hướng khi chỉ số tiếp cận vùng cản kỹ thuật tại quanh 1300 (+10). Rủi ro này sẽ đặc biệt cần lưu ý nếu trong những phiên tăng điểm và vượt đỉnh sắp tới, khối lượng giao dịch của thị trường lại không tăng tương ứng hoặc xuất hiện thêm những phiên bulltrap, phân phối mạnh.
- NĐT được khuyến nghị tránh mua đuổi trong các nhịp tăng điểm, thực hiện chiến lược bán chủ động chốt lời từng phần ở vùng giá cao khi VNINDEX hoặc cổ phiếu mục tiêu vượt đỉnh đối với các vị thế trading đã mua thêm trong nhịp điều chỉnh vừa qua hoặc hiện còn đang nắm giữ.

Chỉ số VN30



Thị trường phái sinh – Hợp đồng tương lai VN30F1M (F1)



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

Ngưỡng trong phiên

Kháng cự xa: 1286 – 1291

Kháng cự gần: 1266 – 1269

Hỗ trợ gần: 1247 – 1251

Hỗ trợ xa: 1235 – 1239

- Sau các nhịp giằng co nhẹ đầu phiên, F1 đảo chiều hồi phục và dần mở rộng đà tăng về cuối phiên.
- Trạng thái F1 diễn biến tích cực hơn với mẫu hình nền “morning star”, cho thấy phe Long đang dần chiếm ưu thế và bỏ ngỏ cơ hội tiếp tục mở rộng nhịp tăng điểm, chinh phục vùng đỉnh ngắn hạn cũ. Mặc dù vậy, nhiều khả năng F1 sẽ sớm chịu áp lực rung lắc trở lại khi tiếp cận vùng cản kế tiếp quanh 1300 (+-10).
- Chiến lược giao dịch trong phiên: Linh hoạt trading 2 chiều, Short tại kháng cự, Long tại hỗ trợ.
- Chiến lược giao dịch qua đêm: Đóng dần các vị thế Long đã mở tại vùng kháng cự xa.

Lưu ý: Mức dừng lỗ áp dụng cho các vị thế trong phiên là 2 điểm và qua đêm là 5 điểm. Tùy vào khẩu vị rủi ro và diễn biến thực tế, NĐT có thể cần điều chỉnh tăng giảm nhẹ các mức này.

KBSV danh mục đầu tư mẫu

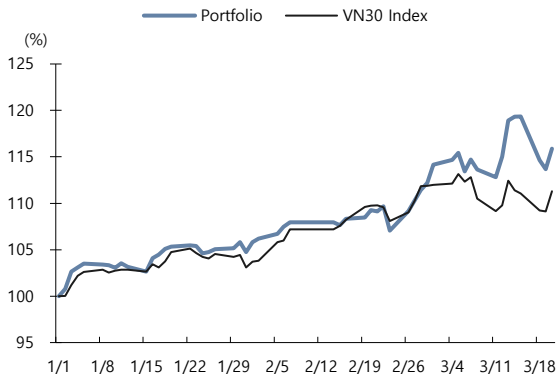
Khối phân tích KBSV

Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Khoảng thời gian nắm giữ tiêu chuẩn là 3 tháng. Tuy nhiên danh mục được tái cơ cấu định kỳ vào tuần đầu mỗi tháng.
- Ngưỡng cắt lỗ tại -15%
- Danh mục giả định luôn duy trì tỷ trọng 100% cổ phiếu (bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều giữa các mã. NĐT cần kết hợp với xu hướng thị trường và mức độ hấp dẫn của từng mã để điều chỉnh tỷ trọng tương ứng.

	VN30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	1.97%	1.93%
Tăng lũy kế (YTD)	11.28%	15.88%

So sánh hiệu suất với VN30 Index



Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 20/03/2024	Daily return (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
SSI (SSI)	01/11/2023	37,200	2.9%	44.5%	- Hưởng lợi từ mặt bằng lãi suất, thanh khoản thị trường cải thiện mạnh so với cùng kỳ - Kỳ vọng triển khai hệ thống giao dịch KRX và đưa vào giao dịch trong ngành (T0), giúp thị trường giao dịch sôi động
Gemadep (GMD)	01/03/2024	78,000	1.3%	2.1%	- Dự địa tăng trưởng vượt trội nhờ tăng công suất giai đoạn 2024-2026 - Hưởng lợi từ Thông tư 39 điều chỉnh biểu khung giá dịch vụ tại cảng biển Việt Nam - Hưởng lợi từ sự phục hồi của hoạt động xuất nhập khẩu
Vietcombank (VCB)	01/03/2024	93,200	0.8%	-5.1%	- Tín dụng tăng trưởng bền vững trong năm 2024 - NIM kỳ vọng được duy trì ổn định nhờ chi phí vốn cải thiện - Bộ đệm dự phòng vững chắc
Digiworld (DGW)	01/03/2024	65,800	2.5%	17.9%	- Triển vọng hồi phục phụ thuộc vào sức mua - Đóng góp của các ngành hàng mới
PV Drilling (PVD)	01/02/2024	32,250	2.5%	16.6%	- Nguồn cung giàn khoan vẫn sẽ thắt chặt trong dài hạn - Kỳ vọng nhu cầu thuê giàn tăng mạnh trong 2 năm tới - Thị trường E&P nội địa dự kiến sôi động hơn từ 2024
TNG (TNG)	01/02/2024	21,800	1.4%	7.9%	- Hàng tồn kho của các hãng thời trang là đối tác của TNG có dấu hiệu giảm rõ nét - BLNG được kỳ vọng cải thiện trong 1Q2024 - Suy giảm xuất khẩu thu hẹp
BSI (BSI)	01/03/2024	58,800	2.3%	7.1%	- Hưởng lợi từ mặt bằng lãi suất, thanh khoản thị trường cải thiện mạnh so với cùng kỳ - Kỳ vọng triển khai hệ thống giao dịch KRX và đưa vào giao dịch trong ngành (T0), giúp thị trường giao dịch sôi động
Hai An Transport (HAH)	01/03/2024	42,900	1.7%	2.3%	- Giá cước có thể cải thiện nhờ thời tiết, ảnh hưởng tới lưu lượng tàu tại các kênh đào - Khai thác cảng sẽ là nguồn thu ổn định cho HAH khi thị trường vận tải container gặp khó - HAH tích cực mở thêm các tuyến vận tải mới, giúp củng cố HĐKD và tăng sản lượng hàng qua cảng
Coteccons (CTD)	02/01/2024	71,900	2.3%	4.5%	- Màng công nghiệp làm động lực tăng trưởng trong tương lai - Kỳ vọng giá trị hợp đồng ký mới trong FY2024 tăng 30%
Phu Nhuận Jewelry (PNJ)	01/03/2024	98,200	1.8%	8.6%	- Tiềm năng tăng trưởng dài hạn của vàng trang sức - Mở rộng mạng lưới cửa hàng đồng thời cải thiện doanh thu trên cửa hàng, tìm kiếm tệp khách hàng mới

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Thống kê thị trường

HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
DGC	3.2%	19.9%	102.2
STB	2.5%	24.1%	100.2
MWG	5.5%	45.1%	58.9
HAG	6.8%	2.7%	42.2
GEX	3.3%	9.7%	40.8
Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
FUEVFNVD	3.4%	96.5%	-284.0
VIC	-1.1%	12.3%	-174.4
VNM	0.3%	52.6%	-83.4
MSN	-0.1%	27.6%	-81.6
BID	2.7%	17.3%	-50.8

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
IDC	1.7%	2.1%	11.8
TNG	1.4%	21.9%	3.8
HLC	1.5%	7.6%	2.2
VCS	1.0%	2.4%	1.0
LAS	3.1%	1.3%	0.9
Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
SHS	2.1%	10.3%	-6.0
PVS	1.1%	17.4%	-2.4
CEO	-0.4%	5.2%	-2.3
VGS	-0.8%	1.6%	-1.9
HUT	0.5%	1.7%	-1.6

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Máy móc	12.4%	TCH, HHS, SRF, SHA
Đồ gia dụng	2.9%	TTF, GDT, EVE, SAV
Phân phối thiết bị & dịch vụ y tế	2.6%	TNH, JVC, VMD
Tiện ích khí	2.5%	GAS, PGD, PMG
Dược	2.5%	DHG, IMP, TRA, DBD
5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Đồ uống	-4.2%	SAB, BHN, SMB, SCD
Thực phẩm	-3.5%	VNM, MSN, KDC, VHC
Bảo hiểm	-3.0%	BVH, MIG, BIC, BMI
Bán lẻ hàng chuyên dụng	-3.0%	MWG, FRT, CTF, HAX
Giấy & lâm sản	-2.6%	DHC, HAP, HHP, VID

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Hóa chất	20.4%	GVR, DGC, DPM, DCM
Vận tải hàng không & Logistics	17.2%	TMS, SCS, STG, ASG
Phân phối thiết bị & dịch vụ y tế	16.4%	TNH, JVC, VMD
Đồ gia dụng	15.7%	TTF, GDT, EVE, SAV
Bao bì & đóng gói	11.6%	TDP, SVI, MCP, TPC
5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Thương mại & phân phối	-4.6%	VPG, TSC, BTT, TNA
Tiện ích điện	-3.7%	PGV, NT2, PPC, TTA
Hàng không dân dụng	-3.3%	VJC, HVN
Vật liệu xây dựng	-2.3%	HT1, PTB, GAB, ACC
Bảo hiểm	-1.7%	BVH, MIG, BIC, BMI

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VNĐ tỷ, USD mn)	GTGD (VNĐ triệu, USD mn)	Room còn lại (%, -1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	97,778	372,067 (16,170)	247,444 (10.0)	22.5	1,240.0	50.4	14.7	0.0	3.0	1.5	1.5	-1.1	3.3	-4.1	4.3
	VHM	VINHOMES JSC	79,385	339,478 (14,753)	402,967 (16.4)	26.6	5.3	4.9	35.9	17.1	15.9	0.9	0.8	-0.9	-1.0	-7.9	-1.6
	VRE	VINCOM RETAIL JS	34,850	79,190 (3,442)	405,397 (16.4)	17.8	14.5	12.7	-7.6	10.9	10.8	1.4	1.3	-1.5	1.7	3.3	13.1
	NVL	NOVALAND INVESTM	45,853	86,712 (3,768)	425,163 (17.3)	31.3	-	30.7	6.7	-0.7	2.9	0.9	0.9	0.3	0.0	-5.7	-2.9
	KDH	KHANG DIEN HOUSE	25,770	19,167 (833)	170,321 (6.9)	11.6	27.8	27.9	13.7	7.7	7.6	2.1	2.1	-0.1	-2.8	15.3	16.4
	DXG	DAT XANH GROUP	20,008	12,594 (547)	236,566 (9.6)	13.9	40.7	25.6	-	2.8	4.3	1.2	1.2	1.4	3.3	-1.1	-3.1
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	67,686	378,305 (16,441)	170,673 (6.9)	6.3	14.8	13.4	11.7	19.3	18.1	2.6	2.2	0.8	-2.9	2.1	16.1
	BID	BANK FOR INVESTM	30,621	174,556 (7,586)	103,598 (4.2)	12.7	14.0	11.5	-5.3	18.3	18.2	2.1	1.8	2.7	0.8	7.3	22.1
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	38,900	136,341 (5,925)	394,870 (16.0)	0.0	6.7	5.5	14.3	16.2	17.1	1.0	0.9	5.0	0.7	8.7	33.0
	CTG	VIETNAM JS COMM	25,516	137,021 (5,955)	366,288 (14.9)	1.4	8.6	6.6	50.3	17.2	19.3	-	-	3.2	-2.3	-2.4	26.8
	VPB	VIETNAM PROSPERI	15,296	101,381 (4,406)	297,862 (12.1)	0.0	10.1	7.4	18.8	11.6	13.2	1.0	0.9	2.8	-2.1	-4.8	-2.9
	MBB	MILITARY COMMERC	14,063	73,327 (3,187)	606,166 (24.6)	0.0	5.7	4.9	14.6	21.3	20.1	1.2	1.0	4.1	1.3	1.3	29.5
	HDB	HDBANK	14,191	40,641 (1,766)	145,821 (5.9)	4.2	5.4	4.6	23.3	24.1	23.3	1.2	1.0	1.1	-2.2	-4.2	11.3
	STB	SACOMBANK	18,600	33,548 (1,458)	668,445 (27.1)	14.0	6.3	4.1	26.5	20.0	25.1	1.1	0.8	2.5	1.0	1.5	11.4
	TPB	TIEN PHONG COMME	14,821	28,732 (1,249)	291,051 (11.8)	0.0	7.0	5.5	37.4	16.7	18.5	1.1	1.0	2.2	-2.1	-0.8	6.9
	EIB	VIETNAM EXPORT-I	13,065	22,745 (988)	286,741 (11.6)	0.2	-	-	27.3	-	-	-	-	-0.5	1.9	-0.8	0.8
Bảo hiểm	BVH	BAO VIET HOLDING	61,900	45,950 (1,997)	28,651 (1.2)	21.0	18.3	15.2	15.8	7.8	9.0	1.4	1.3	0.6	-4.0	-1.2	7.0
	BMI	BAOMINH INSURANC	20,227	2,439 (106)	6,422 (0.3)	14.2	-	-	9.1	-	-	-	-	1.3	2.2	4.4	11.0
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	20,676	19,947 (867)	1,042,677 (42.3)	55.4	24.8	19.4	-3.2	11.7	12.3	-	-	2.9	-2.0	5.4	13.4
	VCI	VIETCAP	21,154	9,108 (396)	430,262 (17.4)	71.9	32.8	24.3	-4.0	13.4	14.2	3.5	3.4	4.9	3.1	18.2	24.4
	HCM	HO CHI MINH CITY	15,467	8,907 (387)	298,310 (12.1)	52.4	-	-	-19.0	10.2	-	-	-	2.0	-3.8	4.3	17.6
	VND	VNDIRECT SECURIT	6,983	5,734 (249)	764,164 (31.0)	27.2	20.1	15.2	36.3	10.7	11.8	1.8	1.7	1.5	-0.6	1.7	5.2
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIET NAM DAIRY P	109,000	227,805 (9,900)	350,007 (14.2)	42.1	16.9	14.7	4.0	28.9	30.0	4.7	4.8	0.3	-4.0	-4.9	0.6
	SAB	SAIGON BEER ALCO	96,250	123,447 (5,365)	92,654 (3.8)	36.9	17.3	16.2	7.3	17.2	17.4	2.8	2.6	0.0	-4.5	-2.9	-9.7
	MSN	MASAN GROUP CORP	79,250	111,712 (4,855)	435,188 (17.6)	16.5	49.1	23.4	-51.9	9.3	16.7	4.0	3.5	-0.1	-4.4	12.4	15.4
	HNG	HOANG ANH GIA LA	12,450	13,801 (600)	17,233 (0.7)	48.8	-	-	-	-	-	-	-	5.0	3.5	7.9	-6.6
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	131,800	69,042 (3,001)	65,783 (2.7)	11.0	32.0	18.6	-88.5	12.5	17.6	-	-	0.2	-1.0	-3.0	-6.3
	GMD	GEMADEPT CORP	33,100	9,976 (434)	153,505 (6.2)	10.8	20.6	16.9	-57.0	13.2	14.6	2.6	2.4	1.3	-3.2	8.3	10.6
	CII	HO CHI MINH CITY	22,600	5,398 (235)	239,813 (9.7)	38.4	-	-	65.7	-	-	-	-	-0.3	1.3	0.0	11.0
Công nghiệp (Tư bản)	ROS	FLC FAROS CONSTR	3,670	2,083 (091)	#N/A (#N/A)	46.4	-	-	-92.4	-	-	-	-	-	-	-	-
	GEX	GELEX GROUP JSC	15,802	10,411 (452)	461,056 (18.7)	37.7	33.5	16.5	-14.4	7.9	6.7	-	-	3.3	2.0	3.6	-1.3
	CTD	COTECCONS CONSTR	54,900	5,438 (236)	186,031 (7.5)	3.6	23.5	15.8	-52.4	3.1	4.6	0.7	0.7	2.3	-5.0	4.5	4.5
	REE	REE	45,066	18,419 (800)	65,738 (2.7)	0.0	10.2	9.2	-4.5	12.4	13.9	1.2	1.2	0.5	-2.4	5.6	9.3

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VNĐ tỷ, USDmn)	GTGD (VNĐ triệu, USDmn)	Room còn lại (%, -1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Tiện ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	75,083	172,447 (7,494)	128,946 (5.2)	46.1	17.2	15.9	-17.5	16.3	16.4	2.4	2.2	1.6	2.5	3.1	7.3
	NT2	PETROVIETNAM NHO	22,850	6,578 (286)	30,147 (1.2)	31.4	-	14.9	-10.5	5.3	12.7	1.9	1.9	0.0	-4.4	-7.0	1.0
	PPC	PHA LAI THERMAL	26,200	8,400 (365)	2,044 (0.1)	34.1	6.2	5.6	-5.1	16.4	17.5	-	-	0.4	-1.8	-2.2	-8.5
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	24,986	145,287 (6,314)	991,819 (40.2)	18.0	13.7	9.9	21.9	11.5	14.6	1.5	1.4	0.7	-2.6	2.7	7.3
	DPM	PETROVIETNAM FER	17,400	6,809 (296)	125,983 (5.1)	36.5	16.3	18.3	-0.5	8.2	7.7	1.2	1.2	1.0	-4.5	1.2	5.6
	DCM	PETRO CA MAU FER	13,650	7,226 (314)	203,674 (8.3)	46.5	11.4	15.7	-4.5	15.6	15.1	1.8	1.8	1.0	-5.5	0.3	6.0
	HSG	HOA SEN GROUP	18,314	11,063 (481)	272,697 (11.1)	38.9	13.8	8.6	67.9	9.3	16.3	1.2	1.1	0.7	-1.1	-3.0	-2.0
	AAA	AN PHAT BIOPLAST	12,864	3,138 (136)	45,872 (1.9)	97.2	-	-	17.2	-	-	-	-	0.5	-2.3	-2.3	12.7
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	56,100	68,375 (2,972)	51,717 (2.1)	4.6	15.0	13.9	-51.0	11.8	12.2	1.8	1.7	0.0	0.9	3.7	8.6
	PVD	PETROVIETNAM DRI	17,727	9,854 (428)	245,169 (9.9)	39.9	19.1	13.0	-11.9	6.2	7.5	1.2	1.1	2.5	2.9	12.4	14.0
	PVT	PETROVIET TRANSP	17,900	5,793 (252)	123,688 (5.0)	35.9	8.3	6.8	2.2	16.2	16.5	1.2	1.1	1.4	7.0	6.4	9.5
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILE WORLD INV	46,500	65,024 (2,826)	617,708 (25.0)	0.0	23.5	12.4	14.4	9.4	14.4	2.8	2.5	5.5	-1.1	2.6	12.1
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	65,625	19,895 (865)	170,650 (6.9)	0.0	15.2	13.1	2.4	21.4	21.6	3.0	2.6	1.8	-3.3	10.7	14.2
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	23,403	1,261 (055)	22,269 (0.9)	70.6	-	-	-	-	-	-	-	1.0	1.0	1.9	-12.0
	FRT	FPT DIGITAL RETA	16,348	2,227 (097)	116,182 (4.7)	30.3	62.9	29.1	-75.2	31.8	31.2	10.5	-	0.2	-5.1	22.3	40.2
	PHR	PHUOC HOA RUBBER	61,900	8,387 (365)	49,261 (2.0)	34.6	21.6	17.9	41.2	11.7	13.4	-	-	-0.8	6.7	14.3	28.8
Chăm sóc sức khỏe	DHG	DHG PHARMACEUTIC	100,300	13,114 (570)	2,659 (0.1)	45.4	15.4	15.3	10.7	19.9	19.2	-	-	-1.2	3.4	5.6	12.1
	PME	PYMEPHARCO JSC	80,200	6,016 (261)	#N/A (#N/A)	11.7	-	-	1.6	-	-	-	-	-	-	-	-
IT	FPT	FPT CORP	49,275	61,301 (2,664)	379,410 (15.4)	0.0	19.4	15.9	15.5	28.8	28.4	5.1	4.3	2.2	-2.1	9.8	19.1

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KHOÍ PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

Nguyễn Xuân Bình – Giám đốc phân tích
binhnx@kbsec.com.vn

Phân tích doanh nghiệp

Ngân hàng, Bảo hiểm & Chứng khoán

Nguyễn Anh Tùng – Trưởng nhóm
tungna@kbsec.com.vn

Phạm Phương Linh – Chuyên viên phân tích
linhpp@kbsec.com.vn

Bất động sản, Xây dựng & Vật liệu xây dựng

Phạm Hoàng Bảo Nga – Chuyên viên phân tích cao cấp
ngaphb@kbsec.com.vn

Nguyễn Dương Nguyên – Chuyên viên phân tích
nguyennd1@kbsec.com.vn

Bán lẻ & Hàng tiêu dùng

Nguyễn Trường Giang – Chuyên viên phân tích
giangnt1@kbsec.com.vn

Bất động sản khu công nghiệp & Logistics

Nguyễn Thị Ngọc Anh – Chuyên viên phân tích
anhntn@kbsec.com.vn

Công nghệ thông tin & Tiện ích

Nguyễn Đình Thuận – Chuyên viên phân tích
thuannd@kbsec.com.vn

Dầu khí & Hóa Chất

Phạm Minh Hiếu – Chuyên viên phân tích
hieupm@kbsec.com.vn

Khoí phân tích
research@kbsec.com.vn

Phân tích vĩ mô & Chiến lược đầu tư

Trần Đức Anh – Giám đốc vĩ mô & Chiến lược đầu tư
anhtd@kbsec.com.vn

Vĩ mô & Ngân hàng

Hồ Đức Thành – Chuyên viên phân tích
thanhhd@kbsec.com.vn

Vũ Thu Uyên – Chuyên viên phân tích
uyenvt@kbsec.com.vn

Chiến lược đầu tư

Nghiêm Sỹ Tiến – Chuyên viên phân tích
tienss@kbsec.com.vn

Bộ phận Hỗ trợ

Nguyễn Cẩm Thơ – Chuyên viên hỗ trợ
thonc@kbsec.com.vn

Nguyễn Thị Hương – Chuyên viên hỗ trợ
huongnt3@kbsec.com.vn

CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng 16&17, Tháp 2, Tòa nhà Capital Place, số 29 Liễu Giai, Ba Đình, Hà Nội

Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội

Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh

Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh

Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: ccc@kbsec.com.vn

Website: www.kbsec.com.vn

Hệ thống khuyến nghị

Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin và dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng thông tin và dữ liệu là chính xác hoặc đầy đủ và các quan điểm được trình bày trong báo cáo này có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên độc lập xem xét các trường hợp và mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư của mình và chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất chung và chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.

